TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/DS-ST
Ngày 30-9-2021
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T,TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Mai Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Viết Thắng.

2. Bà Nguyễn Thị Phương Đông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thu Quỳnh – Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 30-9-2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2021/TLST-DS ngày 13-4-2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST-DS ngày 30-8-2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-DS ngày 14-9-2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ: Số 2, L, phường Th, quận B, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Th – Tổng giám đốc.

Người được ủy quyền thường xuyên : Ông Đặng Duy T – Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh huyện T, Yên Bái.

Người được ủy quyền lại: Bà Phạm Thị Hằng N – Phó giám đốc Ngân hàng N chi nhánh huyện T, Yên Bái. "Có mặt".

2. Bị đơn: Ông Hoàng Minh T, sinh năm 1963.

Trú tại: Thôn K, xã K, huyện T, tỉnh Yên Bái.

Địa chỉ liên hệ : Tổ 3, khu 7, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. "Có đơn xin giải quyết vắng mặt".

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Hà Thị H, sinh năm 1962. "Vắng mặt"

Trú tại: Thôn K, xã K, huyện T, tỉnh Yên Bái.

+ Chị Hoàng Thị Hồng L, sinh năm 1987. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Trú tại: Bản G, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La.

+ Chị Hoàng Thị Hồng L1, sinh năm 1989. "Vắng mặt".

Trú tại: Tổ 6 (đường P), phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

+ Anh Hoàng Quý Đ, sinh năm 1991. "Vắng mặt".

Trú tại: Thôn K, xã K, huyện T, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/3/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Phạm Thị Hằng N là người được ủy quyền lại của nguyên đơn trình bày:

Ngày 28/11/2014, Ngân hàng N chi nhánh huyện T Yên Bái ký hợp đồng tín dụng số 019/2014/HĐTD-15 với ông Hoàng Minh T, sinh năm 1963, trú tại thôn K, xã K, huyện T, tỉnh Yên Bái. Mục đích vay "Mua ô tô vận tải hàng hóa". Lãi suất vay tại thời điểm kí hợp đồng là 11.5%/ năm trên nợ gốc sau đó được điều chỉnh theo từng thời kỳ, lãi quá hạn nợ gốc bằng 150% so với lãi suất vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Phương thức cho vay từng lần. Số tiền đã giải ngân là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày 28/11/2014. Ngày nhận tiền vay 08/12/2014. Phân kỳ trả nợ gốc được điều chỉnh theo Phụ lục hợp đồng tín dụng số 02/PLBSHĐTD-2015-15 ngày 28/11/2015 như sau:

+ Ngày 29/11/2016 trả: 67.000.000 đồng.

+ Ngày 30/11/2016 trả: 67.000.000 đồng.

+ Ngày 28/11/2017 trả: 66.000.000 đồng.

Tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ tín dụng của ông Hoàng Minh T là: 870 m^2 đất (gồm 200 m^2 đất ở lâu dài, tại thửa đất số 01 và 670 m^2 đất vườn tạp, tại thửa số 2) tại Thôn K (thôn Đồng An cũ), xã Kiên Thành, huyện T, tỉnh Yên Bái, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 950317, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00215 QSDĐ/199/QĐUBH do UBND huyện T cấp ngày 31/8/2001 cho hộ ông Hoàng Minh T và tài sản gắn liền với đất là 01 nhà sàn gỗ diện tích 100m^2. Tài sản thế chấp trên được thế chấp cho Ngân hàng N chi nhánh huyện T, Yên Bái theo hợp đồng thế chấp số 010/2014/HĐTC-15 ngày 28/11/2014 và được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai và pH triển quỹ đất huyện T vào ngày 03/12/2014 theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình trả nợ, ông Hoàng Minh T đã trả lãi trong hạn đến hết ngày 31/12/2015. Từ ngày 01/01/2016 đến nay ông T chưa thực hiện nghĩa vụ trả lãi và đã trả được 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) tiền nợ gốc vào ngày 25/6/2020. Ngân hàng N chi nhánh huyện T, Yên Bái đã đôn đốc trả nợ nhiều lần nhưng ông Hoàng Minh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi nên Ngân hàng N chi nhánh huyện T, Yên Bái khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái giải quyết vấn đề sau:

1. Yêu cầu bên vay là ông Hoàng Minh T thanh toán cho Ngân hàng N số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết số 019/2014/HĐTD-15 ngày 28/11/2014 đến ngày 30/9/2021 bao gồm:

- Nợ gốc: 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng).
- Nợ lãi trong hạn: 29.034.626 đồng.
- Lãi quá hạn: 153.270.562 đồng.

Tổng cộng số tiền ông T phải trả là: 362.305.188 đồng (Ba trăm sáu mươi hai triệu ba trăm linh năm nghìn một trăm tám mươi tám đồng).

2. Nếu ông Hoàng Minh T không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ trong thời hạn quy định cho Ngân hàng N thì Ngân hàng có quyền đề nghị xử lý toàn bộ tài sản đảm bảo cho khoản vay nói trên để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa, bà Phạm Thị Hằng N là người được ủy quyền lại của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Hoàng Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án. Tại bản tự khai ngày 18/6/2021, ông T gửi đến Tòa án qua Tổ chức dịch vụ bưu điện, ông T trình bày như sau: Năm 2014 ông T có vay vốn số tiền của Ngân hàng N chi nhánh huyện T, Yên Bái số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) để kinh doanh. Sau hai năm không hiệu quả và đã bị phá sản, ông T bỏ nhà đi làm ăn ở nơi khác, đến năm 2020 mới về nhà và đã trả được 20.000.000 đồng cho Ngân hàng. Ông T cũng đã cam kết trả hết số nợ gốc cho Ngân hàng trong năm 2020 nhưng do dịch bệnh xảy ra nên việc trả nợ bị đứt đoạn cho đến nay. Vợ và các con ông đều biết khoản vay trên đến nay đã quá hạn và đều phản đối việc Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp do ông không trả được nợ. Ông T trình bày hiện nay thu nhập của ông không ổn định đề nghị được thu xếp trả nợ gốc trong thời gian hết tháng 8 năm 2021 và xin được trả lãi dần qua tài khoản Ngân hàng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/4/2021 và ngày 29/7/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị H trình bày: Bà và ông Hoàng Minh T là vợ chồng hợp pháp từ năm 1983. Năm 1985 bà và ông T về ở chung cùng bố mẹ ông T, đến năm 1990 tách ra ở riêng tại thửa đất hiện tại gia đình đang ở, nguồn gốc đất đang ở là do vợ chồng tự khai hoang và đến năm 2001 mới làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vào thời điểm năm 1990, hộ gia đình bà gồm có ông T, bà H, con gái Hoàng Thị Hồng L, sinh năm 1987, Hoàng Thị Hồng L1, sinh năm 1989 và em gái ông T là Hoàng Thị M. Năm 2000 cô Mót lấy chồng và ở riêng. Đến năm 2001, hộ gia đình bà gồm có: Bà Hà Thị H, ông T và ba con là Hoàng Thị Hồng L, sinh năm 1987 (khi đó 14 tuổi), Hoàng Thị Hồng L1, sinh năm 1989 (khi đó 12 tuổi) và Hoàng Quý Đ, sinh năm 1991 (khi đó 9 tuổi). Thời điểm được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00215 QSDĐ/199/QĐUBH ngày 31/8/2001 do UBND huyện T cấp, các con của bà vẫn còn nhỏ, không có bất kì đóng góp gì vào tài sản của gia đình. Tài sản là nhà và đất là do vợ chồng bà tạo dựng. Về hợp đồng tín dụng số 019/2014/HĐTD-15 do ông T ký kết với Ngân hàng để vay tiền bà không hề được biết và bà không được ký vào bất kì giấy tờ, tài liệu gì với Ngân hàng. Chữ ký Hà Thị H trong giấy đề nghị vay vốn và Hợp đồng thế chấp là giả mạo, không phải chữ ký của bà. Bà không biết ông T vay tiền để làm gì và không biết về khoản vay đó. Ông T hiện nay làm gì, ở đâu bà không biết, ông T không liên lạc gì về gia đình. Ngày 29/7/2021 bà H đề nghị không giám định chữ ký, bà yêu cầu ông T phải có mặt ở Tòa án để giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/4/2021 và đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 27/4/2021, người liên quan chị Hoàng Thị Hồng L trình bày: Chị là con gái của ông T và bà H. Vào thời điểm năm 2001 chị mới 14 tuổi và không có đóng góp gì

vào tài sản nhà và đất của gia đình . Đối với số tiền ông T vay của Ngân hàng, chị và mọi người trong gia đình không hề biết.

Trong quá trình giải quyết vụ án , người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến tài sản thế chấp là chị Hoàng Thị Hồng L1, anh Hoàng Quý Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án và không có lời khai.

Quá trình xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29/7/2021 thể hiện:

- Thửa đất số 1 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 950317 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00215 QSDĐ/199/QĐUBH do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 31/8/2001 cho hộ ông Hoàng Minh T, địa chỉ thửa đất tại thôn Đ (nay là K), xã K, huyện T, tỉnh Yên Bái có diện tích là 200 m^2 là đất ở.

- Thửa đất số 2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 950317 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00215 QSDĐ/199/QĐUBH do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 31/8/2001 cho hộ ông Hoàng Minh T, địa chỉ thửa đất tại thôn Đ (nay là K), xã K, huyện T, tỉnh Yên Bái có diện tích là 670 m^2 là đất vườn tạp.

- Tài sản gắn liền trên hai thửa đất có một phần của ngôi nhà sàn gỗ diện tích là 41m^2 (tổng diện tích nhà sàn 100m^2), một số cây quế và cây ăn quả.

Tại thời điểm xem xét thẩm định tại chỗ các thửa đất nêu trên không có tranh chấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên toà. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo đúng quy định của tố tụng dân sự. Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng đủ người tham gia tố tụng. Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

- Nội dung vụ án: Căn cứ các Điều Điều 26, 35, 39, 91, 147, 157, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 318, 342, 343, 344, 347, 348, 350, 355 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 94 Luật các tổ chức tín dụng 2010, Điều 167, 188 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N chi nhánh huyện T, Yên Bái. Buộc bị đơn ông Hoàng Minh T phải trả cho Ngân hàng N chi nhánh huyện T, Yên Bái tính đến ngày xét xử 30/9/2021 tổng số tiền là 362.305.188 đồng, trong đó nợ gốc là 180.000.000 đồng và các khoản lãi gồm: Lãi trong hạn là 29.034.626 đồng, lãi quá hạn là 153.270.562 đồng.

Trường hợp ông Hoàng Minh T không thanh toán nợ thì Ngân hàng N chi nhánh huyện T, Yên Bái được quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 010/2014/HĐTC-15 ngày 28/11/2014 để thu hồi nợ. Trường hợp số tiền thu được từ tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán khoản nợ thì ông Hoàng Minh T vẫn phải tiếp tục trả số nợ gốc và lãi còn lại cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày kết thúc ngày xét xử

cho đến khi ông Hoàng Minh T trả xong các khoản nợ, mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 019/2014/HĐTD-15 ngày 28/11/2014. Nếu tài sản thế chấp thừa thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bị đơn thì Ngân hàng phải trả lại số tiền thừa cho ông Hoàng Minh T.

- Về án phí và chi phí tố tụng: ông Hoàng Minh T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật(ông Tú có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng N chi nhánh huyện T, Yên Bái số tiền 5.211.000đ mà Ngân hàng đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng trước đó).

Ngân hàng N chi nhánh huyện T, Yên Bái được trả lại số tiền 8.650.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0008726 ngày 12/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Yên Bái.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Hoàng Minh T, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn K, xã K, huyện T, tỉnh Yên Bái. Trong quá trình giải quyết vụ án ông T cung cấp địa chỉ liên hệ hiện đang đi làm tại Tổ 3, khu 7, phường H, phthành phố H, tỉnh Quảng Ninh có đơn xin giải quyết vắng mặt, chị Hoàng Thị Hồng L có đơn xin giải quyết vắng mặt và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị H, chị Hoàng Thị Hồng L1, anh Hoàng Quý Đ đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì lý do bất khả khán g hay trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn , người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng , bị đơn ông Hoàng Minh T cư trú tại thôn K, xã K, huyện T, tỉnh Yên Bái. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái.

[3] Về hiệu lực của hợp đồng tín dụng:

Căn cứ hợp đồng tín dụng số 019/2014/HĐTD-15 ngày 28/11/2014 được ký kết giữa Ngân hàng N chi nhánh huyện T và ông Hoàng Minh T, căn cứ vào quy định của pháp luật Hội đồng xét xử xác định Hợp đồng tín dụng có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật . Trong hợp đồng, các bên tự nguyện giao kết thực hiện hợp đồng và cam kết chịu trách nhiệm về nội dung hợp đồng . Tại thời điểm giao kết, các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm và không trái đạo đức xã hội . Do đó, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ gi ữa các bên và các bên phải có nghĩa vụ thực hiện các thỏa thuận đã giao kết trong hợp đồng.

[4] Về thực hiện hợp đồng và yêu cầu trả nợ gốc lãi.

Ngày 28/11/2014, Ngân hàng N chi nhánh huyện T Yên Bái ký hợp đồng tín dụng số 019/2014/HĐTD-15 với ông Hoàng Minh T và đã giải ngân cho ông Hoàng Minh T vay số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay để mua ô tô vận tải hàng hóa, lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 11,5%/năm trên nợ gốc sau đó được điều chỉnh theo từng thời kỳ, lãi suất quá hạn nợ gốc của từng khoản giải ngân được quy định tại các giấy nhận nợ là 17,25%/năm (=150% lãi suất vay trong hạn).

Tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ tín dụng của ông Hoàng Minh T là: 870 m^2 đất (gồm 200 m^2 đất ở lâu dài, tại thửa đất số 01 và 670 m^2 đất vườn tạp, tại thửa số 2) tại Thôn K (thôn Đ cũ), xã K, huyện T, tỉnh Yên Bái, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 950317, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00215 QSDĐ/199/QĐUBH do UBND huyện T cấp ngày 31/8/2001 cho hộ ông Hoàng Minh T và tài sản gắn liền với đất là 01 nhà sàn gỗ diện tích 100m^2.

Bị đơn ông T đã nhận đủ tiền giải ngân từ Ngân hàng vào ngày 08/12/2014 và đã thực hiện được một phần nghĩa vụ trả nợ lãi cho Ngân hàng từ ngày 08/12/2014 đến ngày 31/12/2015, trả nợ gốc số tiền 20.000.000 đồng cho Ngân hàng vào ngày 25/6/2020 số tiền gốc còn lại là 180.000.000 đồng. Từ ngày 01/01/2016 đến nay ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ lãi và tiền nợ gốc theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết. Ngân hàng đã đôn đốc ông T trả nợ nhiều lần, ông T cũng đã cam kết nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận, vi phạm điểm c mục 6.2 Điều 6 của hợp đồng tín dụng làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bên cho vay. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T đã được Tòa án thông báo, triệu tập nhiều lần tham gia xem xét thẩm định tại chỗ, hòa giải và công khai chứng cứ nhưng ông T vẫn vắng mặt.

Vì vậy, xác định việc Ngân hàng N khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện T yêu cầu thu hồi nợ là yêu cầu khởi kiện chính đáng nên cần được chấp nhận.

Về yêu cầu tính lãi đối với hợp đồng tín dụng số 019/2014/HĐTD-15 ngày 28/11/2014 của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy thời gian tính lãi, mức lãi suất (trong hạn, quá hạn) mà Ngân hàng đã áp dụng phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng, trong giấy đề nghị vay vốn và mục đích vay vốn, phù hợp với quy định của pháp luật nên yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở được chấp nhận như sau:

Lãi trong hạn đối với khoản nợ gốc 200.000.000 đồng gồm các khoản:

- Đối với khoản nợ 67.000.000 đồng, hạn trả ngày 29/11/2016, đã trả lãi hết ngày 31/12/2015. Vì vậy, lãi được tính từ ngày 01/01/2016 đến hết ngày 29/11/2016 là 334 ngày: 67.000.000 đồng x 11.50%/năm : 360 ngày x 334 ngày = 7.148.528 đồng.

- Đối với khoản nợ 67.000.000 đồng, hạn trả ngày 30/11/2016, đã trả lãi hết ngày 31/12/2015. Vì vậy, lãi được tính từ ngày 01/01/2016 đến hết ngày 30/11/2016 là 335 ngày: 67.000.000 đồng x 11.50%/năm : 360 ngày x 335 ngày = 7.169.931 đồng.

- Đối với khoản nợ 66.000.000 đồng, hạn trả ngày 28/11/2017, đã trả lãi hết ngày 31/12/2015. Vì vậy, lãi được tính từ ngày 01/01/2016 đến hết ngày 28/11/2017 là 698 ngày: 66.000.000 đồng x 11.50%/năm : 360 ngày x 698 ngày = 14.716.167 đồng.

Tổng lãi trong hạn ông Hoàng Minh T phải trả là 29.034.626 đồng.

Lãi quá hạn gồm:

- Đối với khoản nợ 67.000.000 đồng, hạn trả ngày 29/11/2016. Lãi quá hạn được tính từ 30/11/2016 đến 30/9/2021 là 1.766 ngày: 67.000.000 đồng x 17,25%/năm : 360 ngày x 1.766 ngày = 56.695.958 đồng.

- Đối với khoản nợ 67.000.000 đồng, hạn trả ngày 30/11/2016. Lãi quá hạn được tính từ 01/12/2016 đến 30/9/2021 là 1.765 ngày: 67.000.000 đồng x 17,25%/năm : 360 ngày x 1.765 ngày = 56.663.854 đồng.

- Đối với khoản nợ 66.000.000 đồng, hạn trả ngày 28/11/2017. Lãi quá hạn được tính từ 29/11/2017 đến 25/6/2020 là 940 ngày: 66.000.000 đồng x 17,25%/năm : 360 ngày x 940 ngày = 29.727.500 đồng. Ngày 25/6/2020 Ông Hoàng Minh T đã trả được 20.000.000 đồng nợ gốc. Số tiền nợ gốc đến ngày 25/6/2020 là 46.000.000 đồng. Vì vậy, số tiền lãi được tính từ ngày 26/6/2020 đến ngày 30/9/2021 là 462 ngày: 46.000.000 đồng x 17,25%/năm : 360 ngày x 462 ngày = 10.183.250 đồng

Tổng lãi quá hạn ông Hoàng Minh T phải trả là 153.270.562 đồng.

Tổng số tiền nợ gốc và lãi ông Hoàng Minh T phải trả cho Ngân hàng N tính đến hết ngày 30/9/2021 là: 362.305.188 đồng (Ba trăm sáu mươi hai triệu ba trăm linh năm nghìn một trăm tám mươi tám đồng).

[5] *Về xử lý tài sản thế chấp:*

Qua trình thực hiện hợp đồng tín dụng , để đảm bảo cho khoản vay ngày 28/11/2014 ông Hoàng Minh T , bà Hà Thị H và Ngân hàng Nông nghiệp và P H triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện T, Yên Bái đã ký Hợp đồng thế chấp số 010/2014/HĐTC-15 là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất: Cụ thể là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 950317 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00215 QSDĐ/199/QĐUBH do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 31/8/2001 cho hộ ông Hoàng Minh T, địa chỉ thửa đất tại thôn Đ (nay là K), xã K, huyện T, tỉnh Yên Bái và tài sản gắn liền với đất. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ xác định được người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị L, chị L1, anh Đ không đóng góp gì vào khối tài sản đã được thế chấp. Vì vậy, xác định đây là tài sản chung của ông Hoàng Minh T và bà Hà Thị H. Hợp đồng thế chấp đã được đăng ký tại Văn phòng đăng ký đất đai và phát triển quỹ đất huyện T ngày 03/12/2014.

Xét hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên, nhận thấy: Hợp đồng thế chấp được xác lập trên ý chí tự nguyện của các bên, về hình thức, thẩm quyền chứng thực và đăng ký thế chấp là phù hợp theo quy định tại Điều 167, Điều 188 Luật Đất đai năm 2013, Điều 342, Điều 344, Điều 715, 716, 717, 718, 719, 720, 721 của Bộ luật Dân sự 2005. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án , người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị H trình bày không được ký vào bất kỳ tài liệu , giấy tờ nào của Ngân hàng , chữ ký Hà Thị H trong hợp đồng thế chấp là giả mạo . Tòa án nhân huyện T đã ra thông báo về việc hoàn thiện yêu cầu phản đối của đương sự , yêu cầu bà H thu thập, tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình và có quyền yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký theo quy định tại Điều 102, Điều 103 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà H không thực hiện. Tại biên bản lấy lời

khai ngày 29/7/2021, bà H xác định bà không yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký. Vì vậy, không có căn cứ để xác định chữ ký của bà H là giả mạo. Do đó, hợp đồng thế chấp đã đăng ký giữa các bên có hiệu lực thi hành, yêu cầu của Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp ông Hoàng Minh T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ được chấp nhận theo Điều 355 Bộ luật Dân sự 2005.

[6] *Về chi phí tố tụng:*

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ : Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận do đó bị đơn phải hoàn trả số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định tại Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] *Về án phí:*

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[8] *Về quyền kháng cáo:*

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự ; các Điều 342, 343, 344, 347, 355, 715, 716, 717, 718, 719, 720, 721 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 167, Điều 188 Luật Đất đai năm 2013; Điều 91, 94 Luật các tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

1.1. Buộc ông Hoàng Minh T phải thanh toán cho Ngân hàng N số tiền nợ gốc và lãi tính đến hết ngày 30/9/2021 của Hợp đồng tín dụ ng số 019/2014/HĐTD-15 ngày 28/11/2014 là: Nợ gốc 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng), lãi trong hạn 29.034.626 đồng (Hai mươi chín triệu không trăm ba mươi tư nghìn sáu trăm hai mươi sáu đồng), lãi quá hạn 153.270.562 đồng (Một trăm năm mươi ba triệu hai trăm bảy mươi nghìn năm trăm sáu mươi hai đồng). Tổng cộng : 362.305.188 đồng (Ba trăm sáu mươi hai triệu ba trăm linh năm nghìn một trăm tám mươi tám đồng).

Kể từ ngày 01/10/2021cho đến khi thi hành xong , bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thanh toán theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 019/2014/HĐTD-15 ngày 28/11/2014. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng , các bên có thỏ a thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho

vay và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất có hiệu lực tài thời điểm điều chỉnh lãi suất.

1.2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Hoàng Minh T vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Ngân hàng N thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 010/2014/HĐTC-15 ngày 28/11/2014 để thu hồi nợ cụ thể: 870 m^2 đất (gồm 200 m^2 đất ở lâu dài, tại thửa đất số 01 và 670 m^2 đất vườn tạp, tại thửa số 2) tại Thôn K (thôn Đ cũ), xã K, huyện T, tỉnh Yên Bái, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 950317, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00215 QSDĐ/199/QĐUBH do UBND huyện T cấp ngày 31/8/2001 cho hộ ông Hoàng Minh T và tài sản trên đất . Các tài sản trên đã được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T, tỉnh Yên Bái.

Trường hợp toàn bộ số tài sản thế chấp sau khi xử lý phát mại mà không đủ để trả nợ cho nguyên đơn thì bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán tiếp số tiền nợ còn thiếu cho nguyên đơn. Nếu tài sản thế chấp thừa thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bị đơn đối với nguyên đơn thì nguyên đơn phải trả lại số tiền thừa cho bị đơn.

2. Về chi phí tố tụng:

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc ông Hoàng Minh T phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.211.000 đồng (Năm triệu hai trăm mười một nghìn đồng). Do nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền 5.211.000 đồng nên bị đơn ông Hoàng Minh T có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn số tiền này.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng N có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Hoàng Minh T không trả hết số tiền chi phí tố tụng trên thì hàng tháng còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

Ông Hoàng Minh T phải chịu 18.115.000 đồng (Mười tám triệu một trăm mười lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Nông nghiệp N được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.650.000 đồng (Tám triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng), theo biên lai thu số AA/2017/0008726 ngày 12/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Yên Bái.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS h. T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; HCTP.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Mai Hằng